TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TIỂU CẦN** **TỈNH TRÀ VINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 20/2019/DS-ST
Ngày: 17 - 6 - 2019
V/v tranh chấp hợp đồng dân sự về vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TIỂU CẦN, TỈNH TRÀ VINH

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Long

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Trang Thị Cẩm Nhuần

Ông Nguyễn Văn Bé

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Lâm Thị Nhi - Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Tiểu Cần, tỉnh Trà Vinh.

Trong các ngày 13 và 17 tháng 6 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tiểu Cần xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 42/2018/TLST-DS, ngày 06 tháng 12 năm 2018, về tranh chấp hợp đồng dân sự về vay tài sản; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 30/2019/QĐXXST- DS, ngày 28 tháng 5 năm 2019, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ông Phạm Bạch Đ, sinh năm 1972

Địa chỉ: Ấp L, xã S, huyện C, tỉnh T.

Người đại diện hợp pháp cho ông Phạm Bạch Đ là chị Nguyễn Thị Ngọc D, sinh năm 1994 (có mặt)

Địa chỉ: Ấp R, xã N, huyện C, tỉnh T (văn bản ủy quyền ngày 10/12/2018)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông Phạm Bạch Đ: Luật sư Phạm Minh T- Văn phòng luật sư H thuộc Đoàn luật sư tỉnh T (vắng mặt)

Địa chỉ: Số 353, N, Khóm 10, Phường 7, thành phố T, tỉnh T.

- *Bị đơn*: Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1968 (có mặt)

Ông Lê Văn L, sinh năm 1965,

Người đại diện hợp pháp cho ông Lê Văn L là bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1968 (văn bản ủy quyền ngày 26/4/2019)

Cùng địa chỉ: Ấp K, xã H, huyện T, tỉnh T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 25/9/2018; các tài liệu có trong hồ sơ ông Phạm Bạch Đ trình bày:

Ngày 16/4/2016, ông có cho vợ chồng Nguyễn Thị N và Lê Văn L vay số tiền 100.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận 1%/tháng và hứa khi nào bán được đất sẽ trả đủ vốn và lãi.

Ngày 07/10/2016, vợ chồng Nguyễn Thị N và Lê Văn L tiếp tục hỏi vay số tiền 150.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận 1%/tháng. Đến ngày 25/11/2016, vợ chồng ông L, bà N trả được 50.000.000 đồng, còn nợ lại 100.000.000 đồng và hứa khi nào bán được đất sẽ trả đủ vốn và lãi.

Ngày 31/3/2017, vợ chồng Nguyễn Thị N và Lê Văn L tiếp tục vay số tiền 50.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận 1%/tháng và hứa khi nào bán được đất sẽ trả đủ vốn và lãi của cả ba lần vay là 250.000.000 đồng và tiền lãi từ ngày 31/3/2017.

Tuy nhiên đến hẹn, ông có nhiều lần yêu cầu vợ chồng ông L, bà N trả gốc và lãi nhưng vợ chồng ông L, bà N cứ hẹn mà không trả cho ông.

Nay, ông Phạm Bạch Đ yêu cầu Tòa án giải quyết như sau:

Buộc vợ chồng ông Lê Văn L, bà Nguyễn Thị N trả cho ông số tiền gốc là 250.000.000 đồng, mức lãi suất là 1,24%/ tháng do chậm trả, tính từ ngày 31/3/2017 đến ngày xét xử sơ thẩm.

Tại bản tự khai ngày 24/12/2018 và biên bản hòa giải ngày 18/01/2019, bà Nguyễn Thị N trình bày: Thừa nhận có vay số tiền 250.000.000 đồng như phía nguyên đơn trình bày, nhưng bà cho rằng đã có đóng lãi cho nguyên đơn là 13 tháng, mỗi tháng 37.500.000 đồng với số tiền 487.500.000 đồng. Đến tháng 4/2017 đóng lãi 7%/tháng với số tiền mỗi tháng là 16.500.000 đồng, đến tháng 02/2018, do đóng không nổi nên chỉ đóng 10.500.000 đồng mỗi tháng (tổng số tiền đóng là 165.000.000 đồng), từ tháng 5/2018 thì không có đóng nữa.

Tại phiên tòa hôm nay, bà Nguyễn Thị N cho rằng số tiền mà bà trả lãi cho ông Đ số tiền lãi là quá nhiều, nhưng bà không yêu cầu giải quyết lại, chỉ yêu cầu được trả lại tiền gốc cho ông Đ là 250.000.000 đồng và yêu cầu không tính lãi từ tháng 3/2017 đến ngày xét xử sơ thẩm theo yêu cầu của ông Đ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Đây là vụ án dân sự tranh chấp hợp đồng vay tài sản nên thuộc thẩm quyền của Tòa án huyện Tiểu Cần giải quyết. Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có mặt, nhưng khi tuyên án thì vắng mặt; ông Lê văn L vắng mặt, nhưng có ủy quyền cho bà nguyễn Thị N, nên Tòa án áp dụng Điều 228, Điều 267 của bộ luật tố tụng dân sự xét xử và tuyên án vắng mặt đương sự.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Nguyên đơn và bị đơn đều thừa nhận số tiền vay còn lại là 250.000.000 đồng nên theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự nên không phải chứng minh.

[2.2] Xét lời trình bày của nguyên đơn: Tại đơn khởi kiện và tại phiên Tòa hôm nay, nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả lại số tiền vốn là 250.000.000 đồng và yêu cầu bị đơn trả lãi số tiền trên kể từ tháng 3/2017 là có căn cứ, được Hội đồng xét xử chấp nhận.

- Xét lời nại ra của bà N cho rằng đóng lãi đầy đủ cho ông Đ với số tiền là 652.500.000 đồng là không có căn cứ vì bà N không đưa ra được chứng cứ chứng minh là khi vay tiền của ông Đ hai bên thỏa thuận lãi suất là bao nhiêu, bà cũng không chứng minh được bằng chứng gì là đã trã lãi cho ông Đ số tiền nêu trên, mà chỉ là lời khai của bà, nhưng phía ông Đ không thừa nhận có nhận số tiền lãi như bà N trình bày, nên lời nại ra của bà là không có cơ sở để Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận. Phía nguyên đơn chỉ thừa nhận có nhận của bị đơn 02 tháng lãi suất là 5.000.000 đồng.

[2.3] Về lãi suất: Đại diện theo ủy quyền của Nguyên đơn yêu cầu tính lãi suất của số tiền 250.000.000 đồng, kể từ ngày 31/3/2017 với mức lãi suất 1,24% là có căn cứ; bị đơn xin không trả lãi số tiền trên là không có cơ sở để chấp nhận.

Lãi suất được tính như sau: 250.000.000 đồng X 1.24% X 26 tháng 13 ngày = 81.943.329 – 5.000.000 đồng = 76.943.329 đồng. Tuy nhiên, đại diện hợp pháp của nguyên đơn chỉ đồng ý nhận số tiền lãi là 70.000.000 đồng, trong số tiền lãi là 76.943.329 đồng. Như vậy, bà N và ông L phải có nghĩa vụ trả vốn và lãi cho ông Đ là 250.00.000 đồng + 70.00.000 đồng = 320.000.000 đồng.

[3] Về án phí: Buộc vợ chồng ông L, bà N liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định của pháp luật. Nhưng do bà Nguyễn Thị N là con của liệt sỹ, nên theo quy định tại điểm đ Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, miễn án phí cho bà N.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 26, 35, 39, 147, 267, 273, 280 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 463, 466 của Bộ luật dân sự năm 2015; Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Buộc ông Lê Văn L, bà Nguyễn Thị N có nghĩa vụ liên đới hoàn trả cho ông Phạm Bạch Đ số tiền 320.000.000 đồng (ba trăm hai chục triệu đồng); trong đó: vốn là 250.000.000 đồng, lãi là 70.000.000 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Về án phí: 16.000.000 đồng

Buộc ông Lê Văn L và bà Nguyễn Thị N mỗi người phải chịu án phí sơ thẩm là 8.000.000 đồng nhưng bà Nguyễn Thị N là con liệt sỹ nên miễn cho bà N toàn bộ án phí sơ thẩm.

Nguyên đơn ông Phạm Bạch Đ không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả cho ông Đ số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp 7.683.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0019860 ngày 06/12/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tiểu Cần.

Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án để nhờ tòa án tỉnh Trà Vinh xét xử lại theo thủ tục phúc thẩm.

"Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi ành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự"./.

Nơi nhận:
-VKSND huyện Tiểu Cần ;
- Chi cục THADS huyện Tiểu Cần;
- Những người tham gia tố tụng;
- TAND tỉnh Trà Vinh;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨMTHẨM
PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Văn Long